

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 327/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ**Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí
được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác
thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước***Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;**Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp,**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước.***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan thanh tra nhà nước theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Luật Thanh tra số 56/2010/QH12, bao gồm:

- Thanh tra Chính phủ;
- Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là Thanh tra bộ);
- Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Thanh tra tỉnh);
- Thanh tra sở;
- Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Thanh tra huyện).

- b) Các cơ quan, tổ chức được thanh tra;
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Các khoản được trích

Các cơ quan thanh tra nhà nước được trích một phần từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước, gồm:

1. Các khoản tiền thuộc ngân sách nhà nước bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép hoặc bị thất thoát do các hành vi trái pháp luật gây ra.

2. Các khoản tăng thu ngân sách nhà nước về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác đã thực nộp vào ngân sách nhà nước, gồm:

a) Các khoản tăng thu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ kê khai, nộp ngân sách nhà nước nhưng không kê khai, kê khai sai, trốn thuế, gian lận thuế, hoặc do vi phạm các quy định khác về thu nộp ngân sách dẫn đến thiếu số thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước, các khoản hoàn thuế không đúng đối tượng hoặc kê khai tăng số thuế được hoàn theo quy định của pháp luật được cơ quan thanh tra phát hiện và kiến nghị trong biên bản làm việc hoặc kết luận thanh tra và đơn vị được thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước;

b) Các khoản thu do cơ quan, đơn vị đã thu của các đối tượng liên quan nhưng theo quy định của pháp luật thì không được phép thu hoặc thu vượt mức theo quy định của pháp luật được cơ quan thanh tra phát hiện và kiến nghị, đơn vị thực hiện thu đã thực nộp vào ngân sách nhà nước. Các khoản lãi phát sinh, tiền phạt chậm nộp ngân sách nhà nước do chiếm dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được thu hồi và đã thực nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Các khoản đã thực chi ngân sách quản lý sai chế độ đã nộp lại ngân sách nhà nước (đối với các khoản chi đã quyết toán), bao gồm:

a) Sai đơn giá, khối lượng, định mức và sai khác đối với các dự án, công trình đầu tư xây dựng cơ bản;

b) Sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để chi cho những nội dung không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, không đúng nhiệm vụ được giao, sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu;

c) Sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước giao không thực hiện tự chủ (đối với cơ quan hành chính) hoặc giao chi không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp) để chi cho nội dung theo quy định phải sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao tự chủ hoặc giao chi thường xuyên;

d) Đơn vị báo cáo số liệu sai dẫn đến ngân sách nhà nước đã bố trí dự toán và cấp phát cho đơn vị số tiền cao hơn số tiền đơn vị được hưởng theo quy định;

đ) Sử dụng phần kinh phí ngân sách theo quy định phải nộp trả ngân sách nhà nước nhưng đơn vị giữ lại để sử dụng;

e) Các khoản trích lập quỹ sai quy định; chi vượt quy chế chi tiêu nội bộ.

Điều 3. Mức trích

1. Cơ quan thanh tra nhà nước được trích theo các mức cụ thể dưới đây:

a) Đối với cơ quan Thanh tra Chính phủ:

- Được trích tối đa 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 50 tỷ đồng/năm;

- Được trích thêm tối đa 20% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 50 tỷ đồng đến 80 tỷ đồng/năm;

- Được trích thêm tối đa 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 80 tỷ đồng/năm.

b) Đối với thanh tra của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, thanh tra các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Được trích tối đa 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 10 tỷ đồng/năm;

- Được trích thêm tối đa 20% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng/năm;

- Được trích thêm tối đa 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 20 tỷ đồng/năm.

c) Đối với thanh tra các sở, thanh tra các quận, huyện, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

- Được trích tối đa 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 2 tỷ đồng/năm;

- Được trích thêm tối đa 20% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng/năm;

- Được trích thêm tối đa 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 3 tỷ đồng/năm.

2. Căn cứ khả năng ngân sách và tình hình thực tế triển khai nhiệm vụ của các cơ quan thanh tra nhà nước tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức trích (tỷ lệ phần trăm) cụ thể trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đảm bảo không quá mức được trích quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Thủ tục trích, nộp

1. Đối với cơ quan thanh tra nhà nước:

a) Đối với các khoản thu hồi đã thực nộp vào ngân sách nhà nước qua tài khoản tạm giữ của cơ quan thanh tra:

Các cơ quan thanh tra nhà nước được mở tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước để tạm giữ các khoản tiền thu hồi phát hiện qua thanh tra để chờ xử lý.

Khi có căn cứ kết luận các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước đã sử dụng trái phép hoặc bị thất thoát phải thu hồi, hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 2 Thông tư này thì người ra quyết định thanh tra ra quyết định thu hồi. Quyết định thu hồi phải bằng văn bản, trong đó ghi rõ số tiền phải thu hồi, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được thanh tra phải thực hiện, thời gian thực hiện; số tài khoản tạm giữ của cơ quan thanh tra nhà nước mở tại Kho bạc Nhà nước.

Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hiệu khiếu nại, khởi kiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố tụng hành chính mà đơn vị được thanh tra không khiếu nại, không khởi kiện thì cơ quan thanh tra nhà nước thực hiện trích từ tài khoản tạm giữ để nộp ngân sách nhà nước số tiền phải nộp đã ghi trong quyết định thu hồi.

Sau khi thực hiện trích từ tài khoản tạm giữ để nộp vào ngân sách nhà nước, cơ quan thanh tra thông báo bằng văn bản cho đơn vị được thanh tra biết về việc nộp ngân sách nhà nước khoản thu hồi theo quyết định của cơ quan thanh tra. Trong văn bản thông báo của cơ quan thanh tra nêu thông tin chi tiết từng khoản tiền đã nộp ngân sách nhà nước như số quyết định thu hồi, nội dung thu hồi, riêng đối với các dự án xây dựng cơ bản cần nêu thêm tên chủ đầu tư, dự án, nguồn vốn, niên độ ngân sách.

b) Đối với các khoản thu hồi đã thực nộp vào ngân sách nhà nước không qua tài khoản tạm giữ của cơ quan thanh tra:

Trên cơ sở báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý của cơ quan thanh tra kèm theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước và các hồ sơ, chứng từ liên quan (nếu có) của các đơn vị được thanh tra, cơ quan thanh tra tổng hợp các khoản đã thu hồi về ngân sách nhà nước vào kết quả thực hiện xử lý sau thanh tra.

Các khoản tiền sai phạm do các cơ quan thanh tra phát hiện mà đơn vị được thanh tra nộp vào ngân sách nhà nước ngay trong quá trình thanh tra (khi chưa ban hành kết luận thanh tra) trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm nêu cụ thể các khoản đã nộp vào trong kết luận thanh tra; cơ quan thanh tra tổng hợp các khoản thu hồi này vào kết quả thực hiện xử lý sau thanh tra và đối chiếu với cơ quan thuế.

c) Cơ quan thanh tra nhà nước có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

d) Cuối năm, căn cứ kết quả thu hồi đã thực nộp vào ngân sách nhà nước và căn cứ mức trích quy định tại Điều 3 của Thông tư này, cơ quan thanh tra nhà nước (trường hợp cơ quan thanh tra nhà nước là đơn vị dự toán ngân sách) hoặc cơ quan chủ quản của cơ quan thanh tra nhà nước (trường hợp cơ quan thanh tra nhà nước không phải là đơn vị dự toán ngân sách) có văn bản kèm theo giấy nộp tiền, chứng

từ, tài liệu có liên quan chứng minh việc đã nộp các khoản sai phạm vào ngân sách nhà nước có xác nhận của cơ quan liên quan, gửi cơ quan tài chính đồng cấp đề nghị được trích kinh phí theo quy định.

2. Đối với cơ quan, đơn vị được thanh tra:

Căn cứ kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của cơ quan thanh tra nhà nước, đơn vị được thanh tra có trách nhiệm nộp các khoản sai phạm quy định tại Điều 2 Thông tư này vào ngân sách nhà nước. Khi làm thủ tục nộp tiền, đơn vị được thanh tra ghi đúng nội dung từng khoản nộp thực hiện theo cuộc thanh tra, kết luận thanh tra (ghi rõ số, ngày, tháng, năm) trên chứng từ nộp tiền.

Căn cứ thời hạn thực hiện kết luận thanh tra được quy định tại Luật Thanh tra số 56/2010/QH12, đơn vị được thanh tra lập báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý của cơ quan Thanh tra (kèm theo chứng từ, tài liệu có liên quan chứng minh việc đã nộp các khoản sai phạm vào ngân sách nhà nước có xác nhận của các cơ quan có liên quan) gửi về đơn vị quản lý cấp trên để tổng hợp báo cáo gửi cơ quan thanh tra đã ban hành kết luận thanh tra.

3. Trách nhiệm của cơ quan tài chính:

Căn cứ văn bản đề nghị của cơ quan thanh tra nhà nước hoặc cơ quan chủ quản của cơ quan thanh tra nhà nước kèm theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (bao gồm cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) kèm theo chứng từ, tài liệu có liên quan chứng minh việc đã nộp các khoản sai phạm vào ngân sách nhà nước có xác nhận của các cơ quan có liên quan; căn cứ mức trích được quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này cơ quan tài chính các cấp thẩm định trình cấp có thẩm quyền quyết định số kinh phí được trích và tổ chức thực hiện giao kinh phí được trích cho cơ quan thanh tra nhà nước theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Việc bố trí kinh phí được trích của cơ quan thanh tra nhà nước thuộc cấp nào thì do ngân sách nhà nước cấp đó bố trí trên số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước.

Điều 5. Sử dụng kinh phí được trích

1. Cơ quan thanh tra nhà nước được sử dụng kinh phí được trích để chi cho những nội dung sau:

a) Tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm, sửa chữa tài sản, máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện đi lại phục vụ công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng chống tham nhũng;

b) Bổ sung chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nghiệp vụ, tổ chức các đoàn đi học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước của thanh tra viên, cán bộ, công chức và người lao động các cơ quan thanh tra nhà nước;

c) Bổ sung chi phục vụ các hoạt động thanh tra; chi cho việc mua thông tin phục vụ việc xử lý thu hồi tiền vi phạm; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng;

d) Chi hỗ trợ động viên, khuyến khích các tập thể và cá nhân trong và ngoài cơ quan thanh tra đã tích cực phối hợp trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và trong công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng;

đ) Chi khen thưởng, khuyến khích, động viên cán bộ, công chức và người lao động của cơ quan thanh tra (ngoài khoản chi khen thưởng hàng năm theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng). Mức chi khuyến khích, khen thưởng cho cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan thanh tra từ nguồn kinh phí được trích theo quy định tại Thông tư này và khoản chi bổ sung thu nhập từ nguồn kinh phí tiết kiệm được của cơ quan thực hiện chế độ tự chủ, tổng hợp lại tối đa không vượt quá 1,0 lần tiền lương cấp bậc, chức vụ trong một năm do nhà nước quy định.

e) Chi hỗ trợ các khoản chi khác mang tính chất phúc lợi tập thể.

2. Cơ quan thanh tra nhà nước chủ động sử dụng số kinh phí được trích để chi theo các nội dung quy định tại Thông tư này. Mức chi các nội dung nêu trên do Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước xem xét, quyết định và phải được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ hoặc Quy chế quản lý, sử dụng khoản kinh phí được trích. Đối với cơ quan thanh tra không phải là đơn vị dự toán thì cơ quan thanh tra phải trình Thủ trưởng cơ quan chủ quản quyết định và gửi Kho bạc nhà nước nơi mở tài khoản để Kho bạc Nhà nước làm căn cứ kiểm soát chi ngân sách nhà nước.

Điều 6. Lập dự toán, giao dự toán và quyết toán kinh phí được trích

1. Lập và giao dự toán kinh phí được trích:

a) Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước; cơ quan thanh tra căn cứ vào ước thực hiện số tiền thực thu nộp vào ngân sách nhà nước do cơ quan thanh tra phát hiện của năm hiện hành để xác định kinh phí trích của năm kế hoạch; xây dựng dự toán chi đối với phần kinh phí ước được trích của năm kế hoạch; tổng hợp chung trong dự toán thu, chi ngân sách của cơ quan, đơn vị, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Dự toán chi kinh phí được trích từ nguồn thu hồi phát hiện qua thanh tra được ghi chú riêng trong dự toán thu, chi ngân sách hàng năm của cơ quan thanh tra nhà nước (hoặc cơ quan chủ quản trường hợp cơ quan thanh tra không phải là đơn vị dự toán ngân sách);

c) Kết thúc năm (là năm thực hiện kế hoạch đã được giao), trên cơ sở số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước cơ quan thanh tra chủ động sử dụng số kinh phí được trích trên số thực nộp ngân sách nhà nước để chi theo những nội dung quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này. Cơ quan tài chính sẽ xem xét

giải quyết chênh lệch giữa số được trích trên số thực nộp vào ngân sách nhà nước cao hơn hoặc thấp hơn số đã bố trí trong dự toán chi ngân sách của cơ quan, đơn vị như sau:

Trường hợp số tiền được trích trên số đã thực nộp ngân sách nhà nước cao hơn số đã bố trí trong dự toán năm thì số thiếu sẽ được bố trí vào dự toán của năm sau nữa (ví dụ: số thiếu năm 2015 sẽ được bố trí trong dự toán năm 2017). Trong trường hợp cần thiết cơ quan thanh tra (hoặc cơ quan chủ quản của cơ quan thanh tra) có văn bản đề nghị bổ sung kinh phí được trích và lập dự toán chi tiết kèm theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền bổ sung số kinh phí được trích theo quy định.

Trường hợp số thực nộp thấp hơn số đã bố trí trong dự toán năm thì số chênh lệch thừa sẽ được hủy tại kho bạc nhà nước (đối với trường hợp cơ quan thanh tra chưa rút dự toán) hoặc trừ vào số phải bố trí của năm sau nữa (đối với trường hợp cơ quan thanh tra đã rút về chi tiêu; ví dụ: số bố trí thừa của năm 2015 sẽ được trừ vào dự toán năm 2017).

2. Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích:

Việc sử dụng, quyết toán kinh phí được trích trên số đã thực nộp vào ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Đối với cơ quan thanh tra không phải là đơn vị dự toán thì cơ quan chủ quản của cơ quan thanh tra có trách nhiệm tổng hợp và quyết toán trong báo cáo chung của đơn vị.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2017.

2. Thông tư liên tịch số 90/2012/TTLT-BTC-TTCT ngày 30/5/2012 của Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Xuân Hà